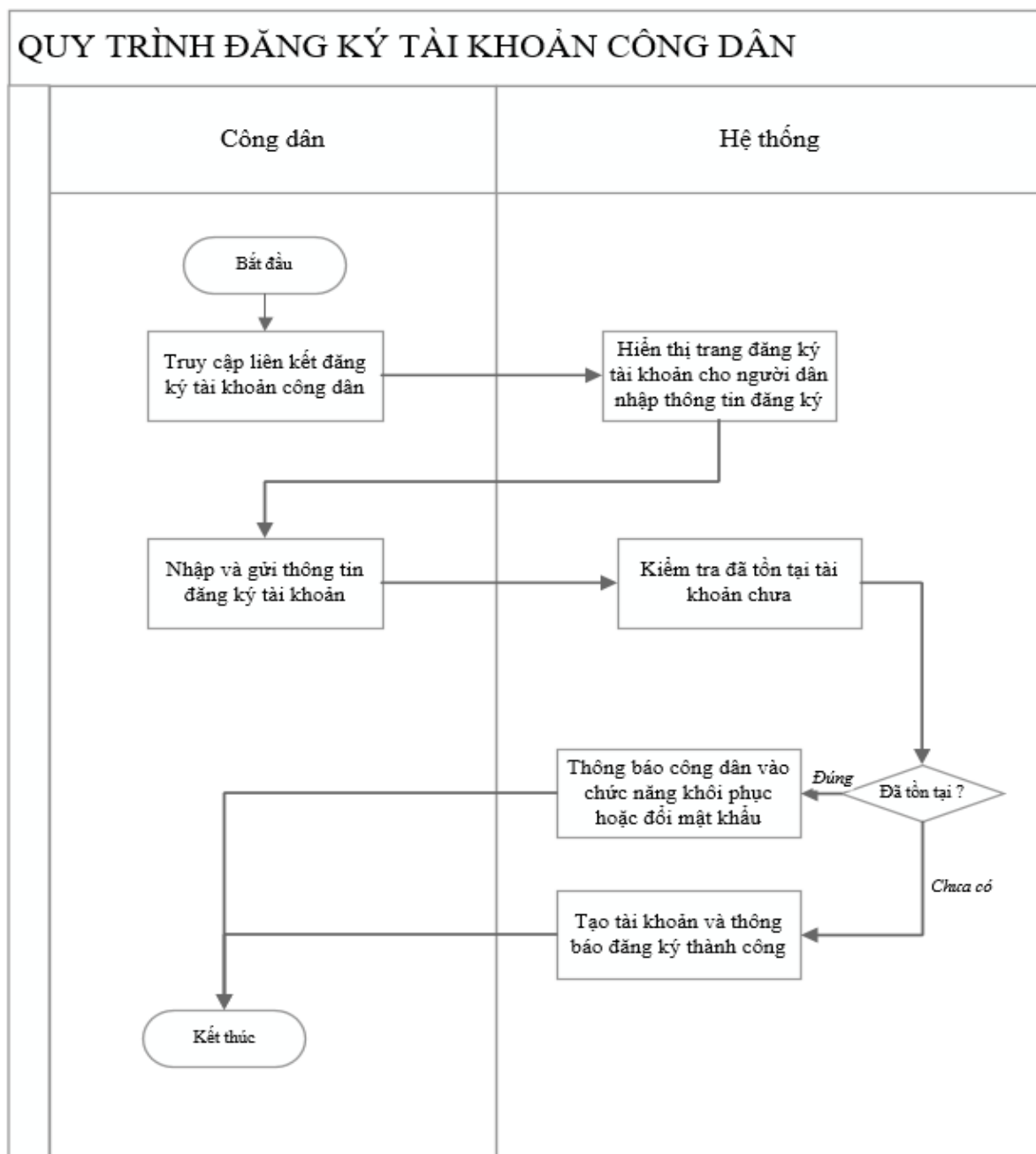


**PHỤ LỤC 06: QUẢN LÝ XÁC THỰC,
TÀI NGUYÊN VÀ KẾT NỐI DÙNG
CHUNG**

1. Các quy trình nghiệp vụ được tin học hóa

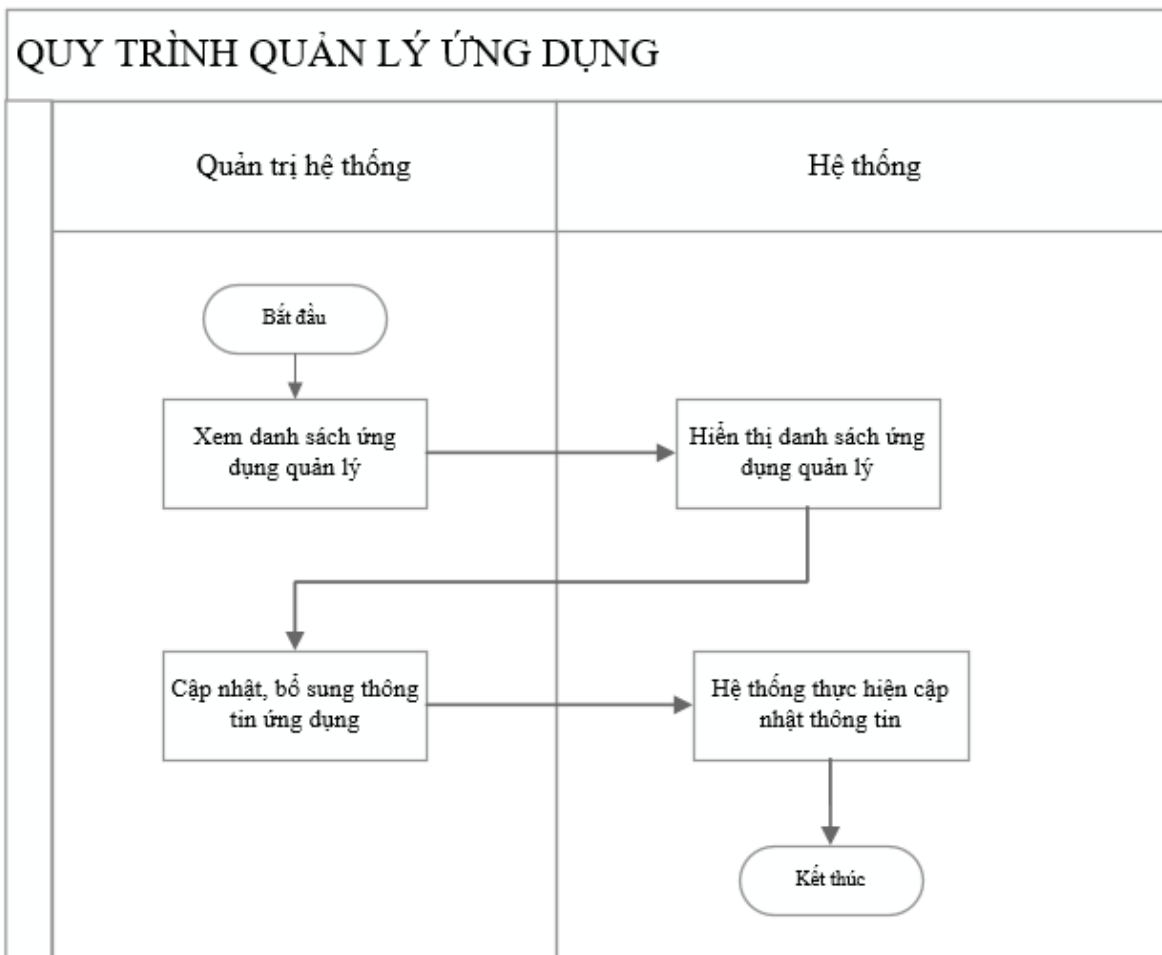
1.1. Quy trình đăng ký tài khoản

Khi công dân có nhu cầu tạo tài khoản để sử dụng hệ thống quản lý phổ biến pháp luật, thực hiện truy nhập vào phần mềm, vào thực hiện đăng ký tạo tài khoản để sử dụng.



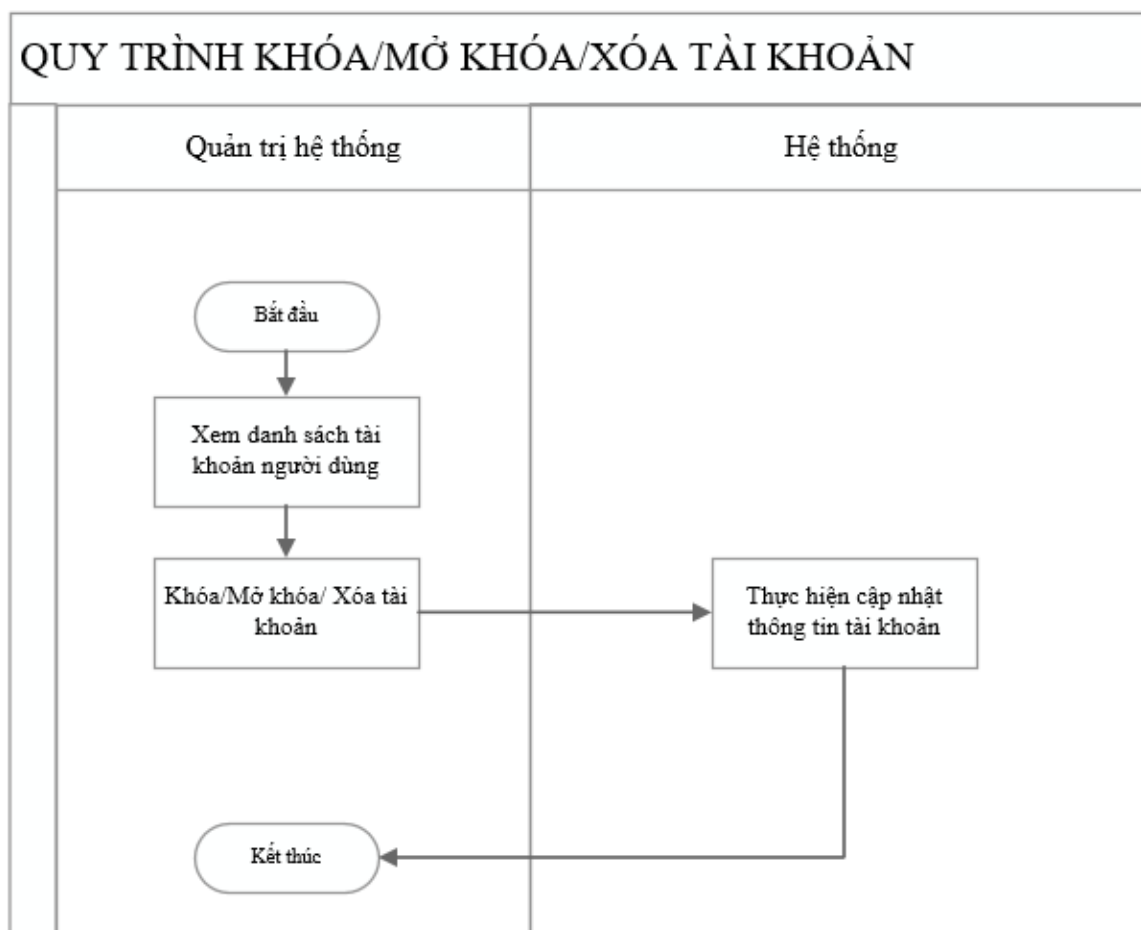
1.2. Quy trình quản lý ứng dụng

- Mô hình luồng nghiệp vụ



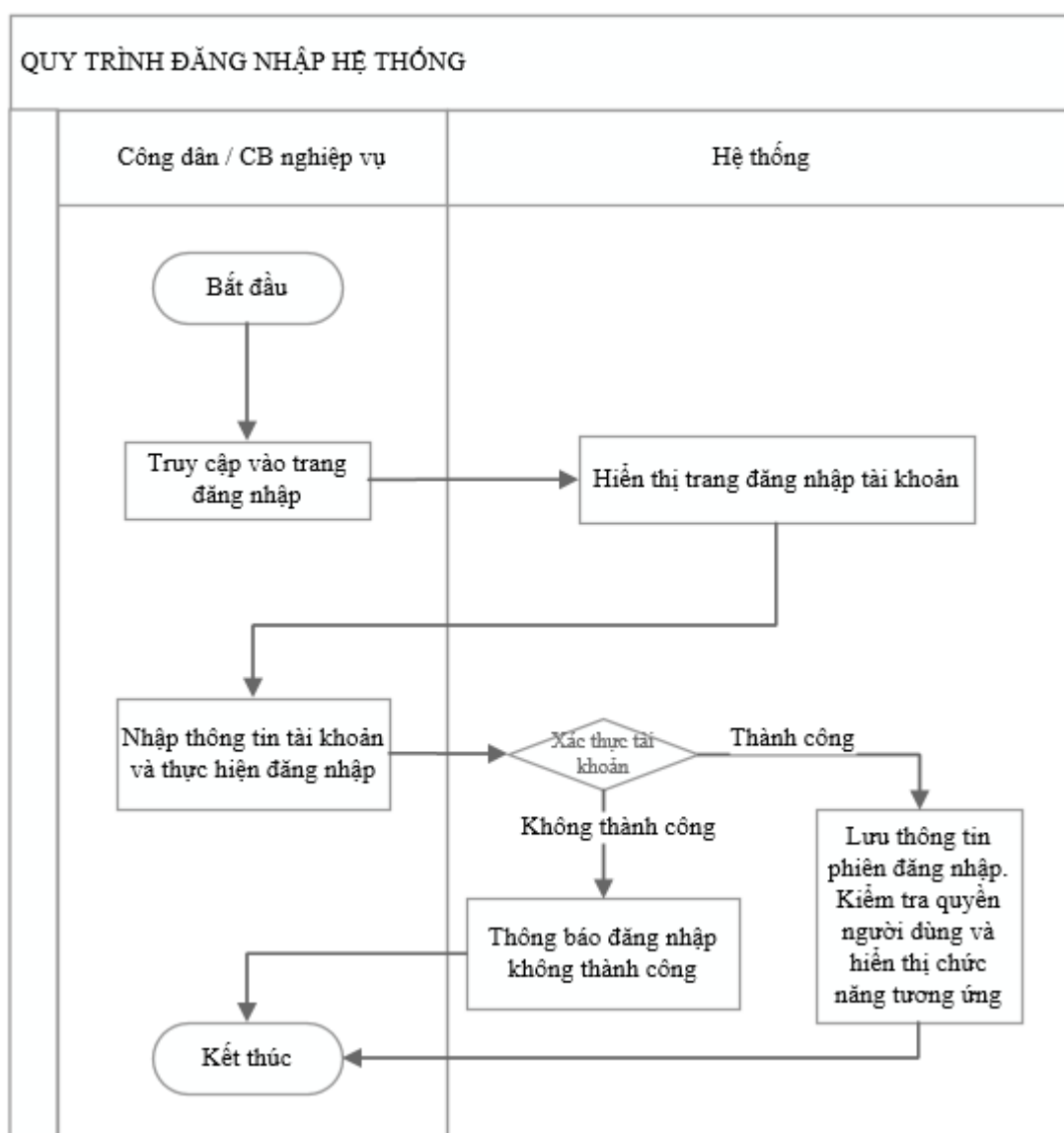
1.3. Quy trình khóa/mở khóa/xoá tài khoản

- Mô hình luồng nghiệp vụ



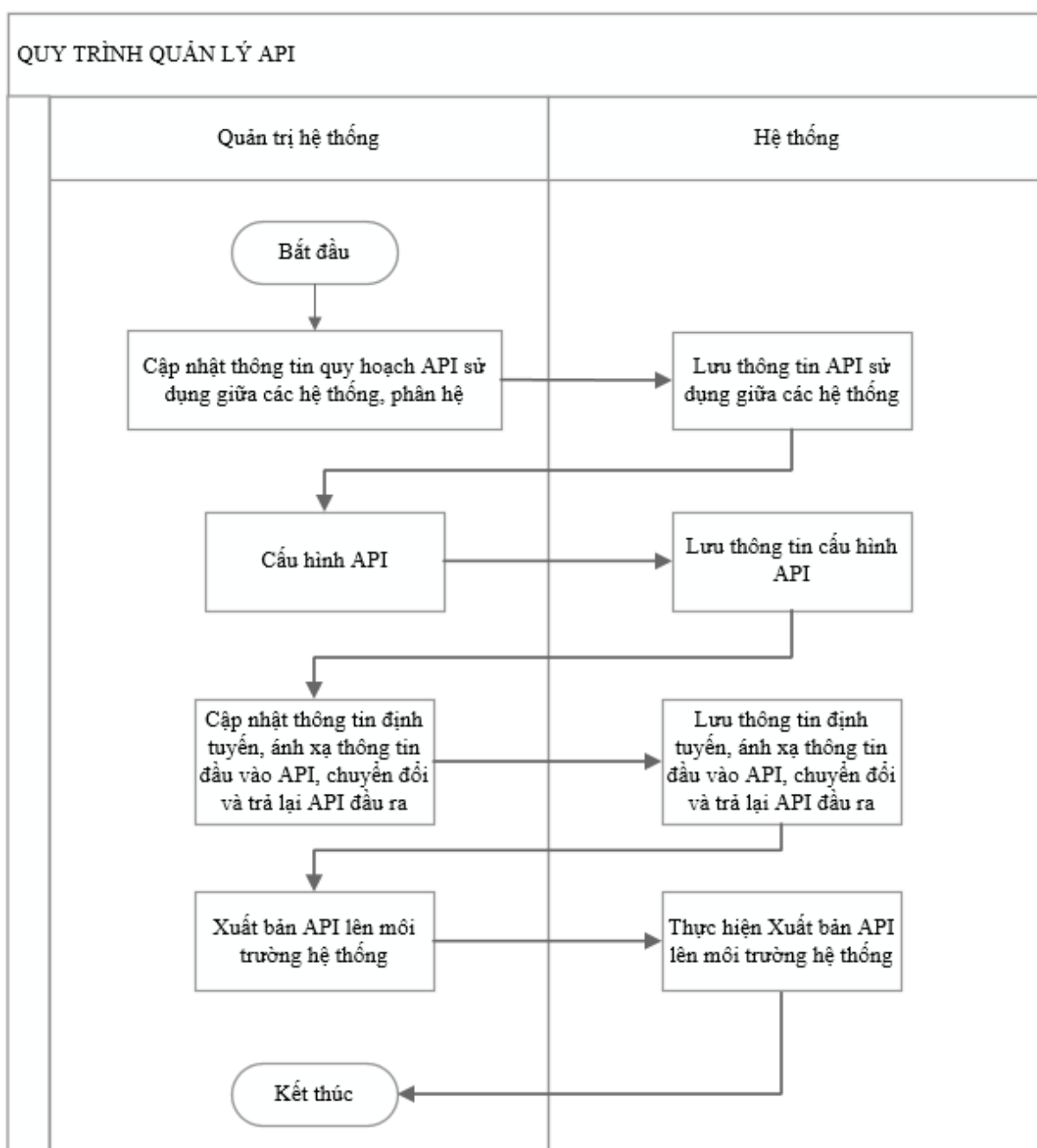
1.4. Quy trình đăng nhập hệ thống

- Mô hình luồng nghiệp vụ



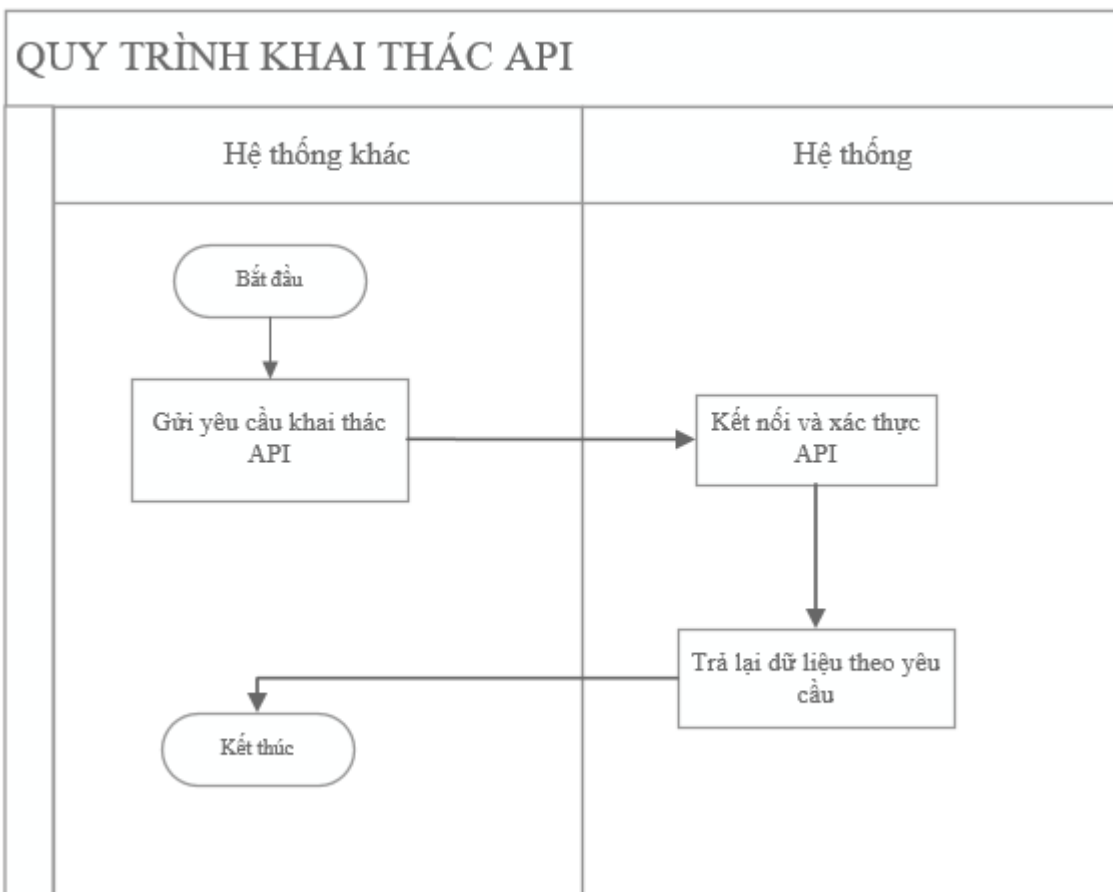
1.5. Quy trình quản lý API

- Mô hình luồng nghiệp vụ



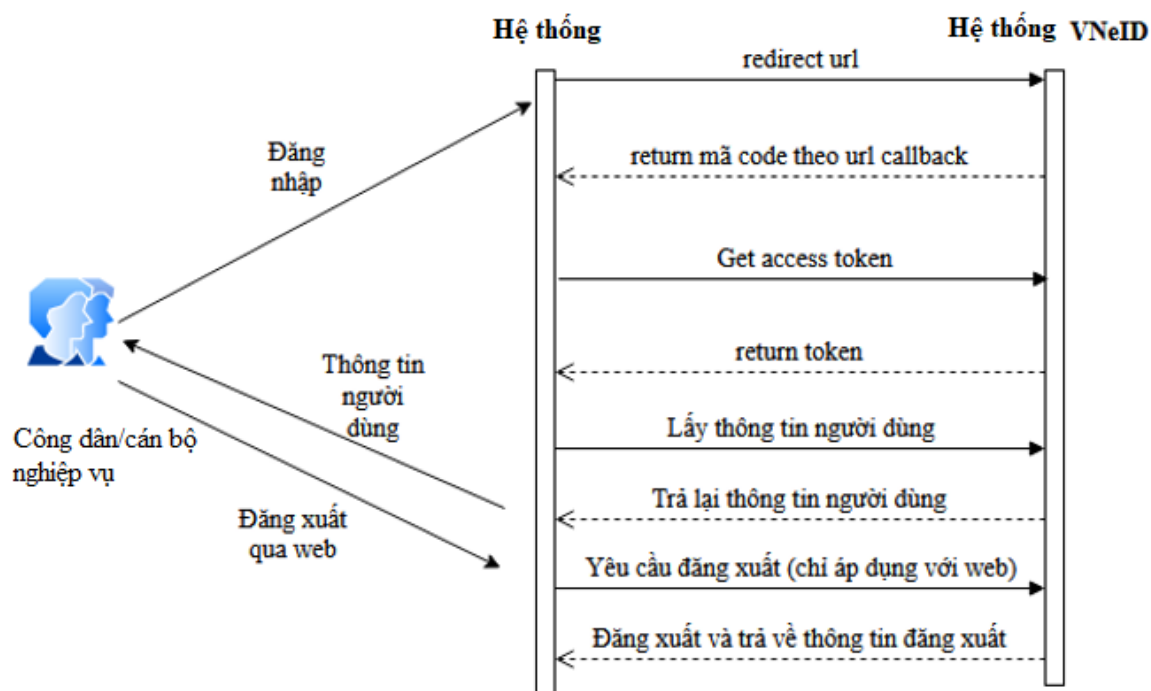
1.6. Quy trình khai thác API

- Mô hình luồng nghiệp vụ



1.7. Quy trình tích hợp với hệ thống VNeID

- Mô hình luồng nghiệp vụ



2. Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ giữa chúng

STT	Tên Actor	Độ phức tạp	Xếp loại	Mô tả
1	Quản trị hệ thống	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là người dùng có quyền quản lý, quản trị các chức năng hệ thống, quản trị viên hệ thống
2	CB NVCT (Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ nghiệp vụ tại địa phương, có tài khoản và được phân quyền
3	CB PDCT (Cán bộ phê duyệt cấp tỉnh)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ phê duyệt tại địa phương có quyền
4	CB NVTW (Cán bộ nghiệp vụ cấp trung ương)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ nghiệp vụ tại trung ương, có tài khoản và được phân quyền

STT	Tên Actor	Độ phức tạp	Xếp loại	Mô tả
5	CB PD TW (Cán bộ phê duyệt cấp trung ương)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ phê duyệt tại trung ương, có tài khoản và được phân quyền
6	CB NVCX (Cán bộ nghiệp vụ cấp xã)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ nghiệp vụ tại các xã, có tài khoản và được phân quyền
7	CB NVBN (Cán bộ nghiệp vụ bộ ngành)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ nghiệp vụ tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Điều 7 của QĐ 14/2019/QĐ-TTg), có tài khoản và được phân quyền
8	CB PDBN (Cán bộ phê duyệt bộ ngành)	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là các cán bộ phê duyệt tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Điều 7 của QĐ 14/2019/QĐ-TTg), có tài khoản và được phân quyền
9	Công dân	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là người dân khai thác thông tin từ hệ thống, không cần tài khoản đăng nhập.
10	Hệ thống khai thác dữ liệu nghiệp vụ PBPL	Giao diện kết nối API	Đơn giản	Hệ thống bên ngoài khác (như....) khai thác, chia sẻ thông tin qua các API với hệ thống PBGDPL
11	Giảng viên	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là người dùng có quyền khai thác chức năng về đào tạo trực tuyến với vai trò giảng viên

STT	Tên Actor	Độ phức tạp	Xếp loại	Mô tả
12	Học viên	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là người dùng có tài khoản đã đăng ký trên hệ thống, có quyền khai thác chức năng về đào tạo trực tuyến với vai trò học viên
13	Thành viên	Giao diện đồ họa dạng web-based	Phức tạp	Là người dùng có tài khoản đã đăng ký trên hệ thống
14	Hệ thống VNeID	Giao diện kết nối API	Đơn giản	Là ứng dụng định danh điện tử của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an Việt Nam

3. Phân tích và mô tả chức năng của phần mềm

3.1. Danh sách các yêu cầu người sử dụng

STT	Tên chức năng/ Tên yêu cầu	Tác nhân chính	Tác nhân phụ
	QUẢN LÝ ĐỊNH DANH VÀ BẢO MẬT		
1.	Quản lý người dùng	Quản trị hệ thống	
2.	Quản lý nhóm	Quản trị hệ thống	
3.	Quản lý vai trò	Quản trị hệ thống	
4.	Quản lý liên kết kho lưu trữ người dùng (User Stores)	Quản trị hệ thống	
5.	Quản lý nhà cung cấp dịch vụ định danh (Identity Providers)	Quản trị hệ thống	
6.	Quản lý nhà cung cấp dịch vụ (Service Providers)	Quản trị hệ thống	
7.	Quản lý đăng nhập một lần và ủy quyền xác thực	Quản trị hệ thống	
8.	Quản lý chính sách bảo mật API - OAuth2 Access Token	Quản trị hệ thống	
9.	Quản lý chính sách bảo mật API với khóa truy cập API (API Keys)	Quản trị hệ thống	
10.	Quản lý chính sách bảo mật API – Mutual SSL	Quản trị hệ thống	

11.	Quản lý chính sách bảo mật API xác thực tài khoản và mật khẩu (Base Authentication)	Quản trị hệ thống	
12.	Quản lý chính sách bảo mật API với chứng thực số (Certificate Bound Access Tokens)	Quản trị hệ thống	
13.	Giám sát truy nhập	Quản trị hệ thống	
	NỀN TẢNG TÍCH HỢP VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU		
14.	Quản trị ứng dụng truy cập tài nguyên API	Quản trị hệ thống	
15.	Quản lý giao diện lập trình ứng dụng (API)	Quản trị hệ thống	
16.	Công khai API	Quản trị hệ thống	
17.	Quản lý bảo mật API	Quản trị hệ thống	
18.	Quản lý và điều hướng API	Quản trị hệ thống	
19.	Theo dõi giám sát API	Quản trị hệ thống	
20.	Quản lý kiểm thử REST API tích hợp	Quản trị hệ thống	
21.	Quản lý kiểm thử GraphQL API tích hợp	Quản trị hệ thống	
22.	Quản lý kiểm thử với SOAP Client	Quản trị hệ thống	
23.	Quản lý chính sách giới hạn tốc độ truy cập theo thời gian	Quản trị hệ thống	
24.	Quản lý chính sách giới hạn truy cập theo IP nguồn	Quản trị hệ thống	
25.	Quản lý chính sách giới hạn số lượng gửi tới API Backend	Quản trị hệ thống	
26.	Quản lý chính sách giới hạn tổng số lượng gửi API theo ngày	Quản trị hệ thống	
27.	Xem thông tin chi tiết API	Quản trị hệ thống	
28.	Tích hợp API hệ thống tử sách pháp luật điện tử	Quản trị hệ thống	
29.	Tích hợp API hệ thống hỏi đáp, đối thoại trực tuyến	Quản trị hệ thống	

30.	Tích hợp API hệ thống bồi dưỡng và tập huấn trực tuyến	Quản trị hệ thống	
31.	Tích hợp API hệ thống thi tìm hiểu về pháp luật	Quản trị hệ thống	
32.	Tích hợp API hệ thống Cổng thông tin điện tử GDPL quốc gia	Quản trị hệ thống	
33.	Tích hợp API hệ thống CSDL quốc gia văn bản qui phạm pháp luật	Quản trị hệ thống	
34.	Tích hợp API hệ thống mail server	Quản trị hệ thống	
35.	Tích hợp API dịch vụ tin nhắn Cloud Message	Quản trị hệ thống	
	BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁM SÁT		
36.	Thống kê danh sách tài khoản	Quản trị hệ thống	
37.	Tra cứu giao dịch đăng nhập, đăng xuất theo tài khoản	Quản trị hệ thống	
38.	Thống kê các tài khoản hoạt động tích cực	Quản trị hệ thống	
39.	Thống kê giao dịch gọi API theo ứng dụng	Quản trị hệ thống	
40.	Thống kê giao dịch gọi theo các API	Quản trị hệ thống	
41.	Thống kê số lượng gửi API theo ngày	Quản trị hệ thống	
	AN TOÀN THÔNG TIN		
42.	Thiết lập chính sách truy cập hệ thống	Quản trị hệ thống	
43.	Thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Quản trị hệ thống	
44.	Quản lý chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống	Quản trị hệ thống	
45.	Quản lý nhật ký hệ thống	Quản trị hệ thống	
46.	Quản lý phân quyền người dùng	Quản trị hệ thống	
47.	Sao lưu dự phòng tự động	Quản trị hệ thống	
48.	Hạn chế số lần đăng nhập sai	Quản trị hệ thống	

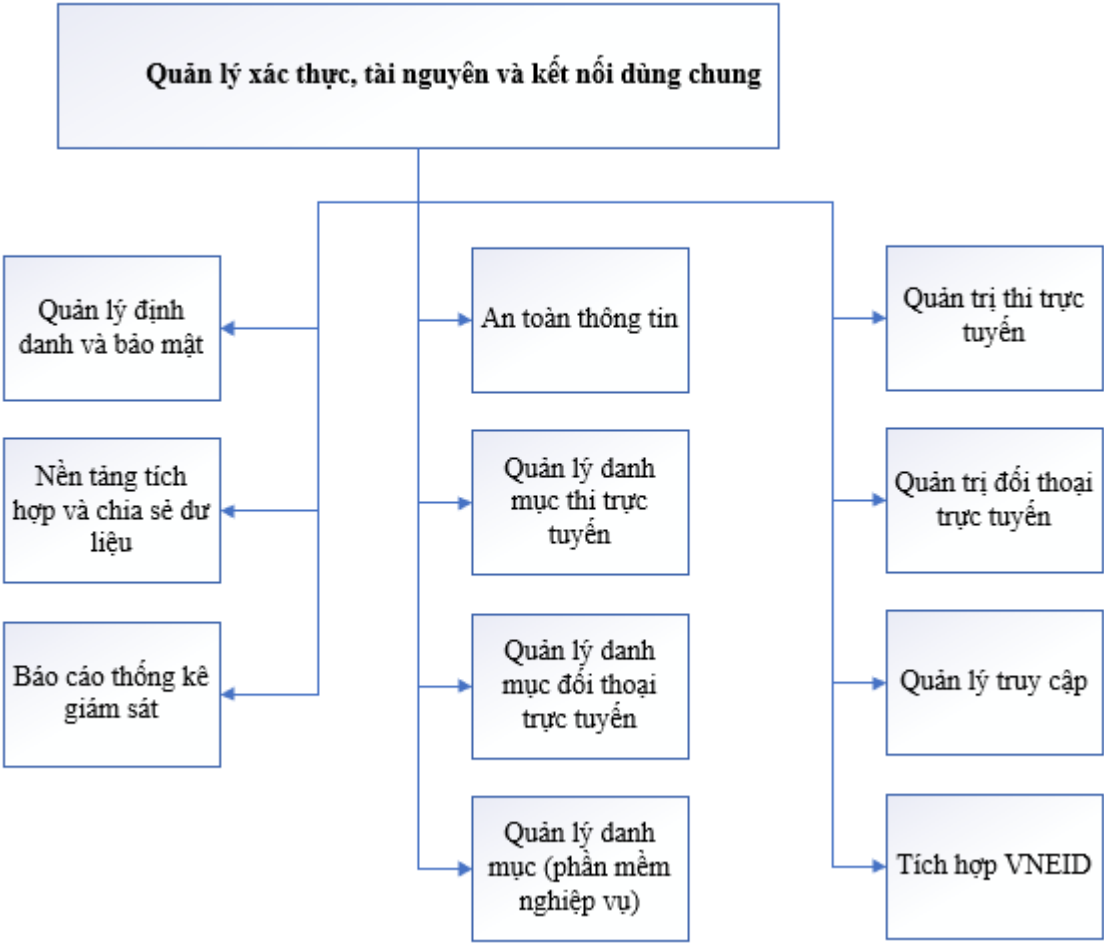
	QUẢN LÝ DANH MỤC DÙNG CHUNG		
49.	Quản lý danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống	
50.	Quản lý danh mục giới tính	Quản trị hệ thống	
51.	Quản lý danh mục loại đối tượng được TGPL	Quản trị hệ thống	
52.	Quản lý danh mục diện người được TGPL	Quản trị hệ thống	
53.	Quản lý danh mục tôn giáo	Quản trị hệ thống	
54.	Quản lý danh mục quốc gia	Quản trị hệ thống	
55.	Quản lý danh mục đơn vị hành chính	Quản trị hệ thống	
56.	Quản lý danh mục lĩnh vực	Quản trị hệ thống	
57.	Quản lý danh mục các lĩnh vực chuyên sâu	Quản trị hệ thống	
58.	Quản lý danh mục hình thức TGPL	Quản trị hệ thống	
59.	Quản lý danh sách Sở Tư pháp	Quản trị hệ thống	
60.	Quản lý danh sách Trung tâm TGPL	Quản trị hệ thống	
61.	Quản lý danh sách chi nhánh	Quản trị hệ thống	
62.	Quản lý danh mục trạng thái hoạt động của tổ chức	Quản trị hệ thống	
	QUẢN LÝ DANH MỤC THI TRỰC TUYẾN		
63.	Quản lý danh mục phạm vi	Quản trị hệ thống	
64.	Quản lý danh mục đối tượng dự thi	Quản trị hệ thống	
65.	Quản lý danh mục chủ đề dự thi	Quản trị hệ thống	
66.	Quản lý danh mục loại câu hỏi	Quản trị hệ thống	
67.	Quản lý danh mục mức độ câu hỏi	Quản trị hệ thống	

68.	Quản lý danh mục xếp loại	Quản trị hệ thống	
69.	Quản lý danh mục loại kế hoạch	Quản trị hệ thống	
70.	Quản lý danh mục loại tài liệu	Quản trị hệ thống	
71.	Quản lý danh mục lĩnh vực tài liệu	Quản trị hệ thống	
	QUẢN LÝ DANH MỤC ĐỔI THOẠI TRỰC TUYẾN		
72.	Quản lý danh mục lớp (phạm vi) xem Live	Quản trị hệ thống	
73.	Quản lý danh mục chủ đề pháp luật	Quản trị hệ thống	
74.	Quản lý danh sách tài liệu pháp luật	Quản trị hệ thống	
75.	Quản lý ngân hàng câu hỏi và trả lời pháp luật (FAQ)	Quản trị hệ thống	
76.	Cảnh báo hệ thống	Quản trị hệ thống	
	QUẢN LÝ DANH MỤC (PHẦN MỀM NGHIỆP VỤ)		
77.	Quản lý loại kinh phí	Quản trị hệ thống	
78.	Quản lý loại đề án	Quản trị hệ thống	
79.	Quản lý loại lĩnh vực hòa giải	Quản trị hệ thống	
80.	Quản lý loại trình độ chuyên môn	Quản trị hệ thống	
81.	Quản lý loại chức danh	Quản trị hệ thống	
	QUẢN TRỊ THI TRỰC TUYẾN		
82.	Quản lý đơn vị	Quản trị hệ thống	
83.	Quản lý nhật ký	Quản trị hệ thống	
84.	Quản lý tham số hệ thống	Quản trị hệ thống	
85.	Quản lý cấu hình email	Quản trị hệ thống	

86.	Quản lý Template thông báo	Quản trị hệ thống	
87.	Quản lý Template biểu mẫu	Quản trị hệ thống	
88.	Quản lý thư mục	Quản trị hệ thống	
89.	Quản lý banner	Quản trị hệ thống	
90.	Quản lý Footer	Quản trị hệ thống	
	QUẢN TRỊ ĐỐI THOẠI TRỰC TUYẾN		
91.	Xem thông tin dashboard	Quản trị hệ thống	
92.	Quản trị quyền	Quản trị hệ thống	
93.	Quản lý kênh	Quản trị hệ thống	
94.	Quản lý video live	Quản trị hệ thống	
95.	Quản lý lịch live	Quản trị hệ thống	
96.	Quản lý video ondemand	Quản trị hệ thống	
97.	Quản lý thể loại	Quản trị hệ thống	
98.	Xóa cache hệ thống	Quản trị hệ thống	
99.	Quản lý bài viết tin tức	Quản trị hệ thống	
100.	Quản lý thông báo	Quản trị hệ thống	
101.	Quản lý Template biểu mẫu câu hỏi	Quản trị hệ thống	
102.	Quản lý chuyên gia	Quản trị hệ thống	
103.	Quản lý tạo link livestream	Quản trị hệ thống	
104.	Quản lý địa chỉ nhận thư hỏi đáp (Email)	Quản trị hệ thống	
	QUẢN LÝ TRUY CẬP		
105.	Đăng nhập	Thành viên	

106.	Đăng xuất	Thành viên	
107.	Lấy lại mật khẩu	Thành viên	
108.	Đổi mật khẩu	Thành viên	
109.	Đăng ký tài khoản	Công dân	
110.	Quản lý thông báo cá nhân	Thành viên	
111.	Quản lý thông tin tài khoản	Quản trị hệ thống	
	TÍCH HỢP VNeID		
112.	Đăng nhập VNeID	Thành viên	Hệ thống VNeID
113.	Đăng xuất VNeID	Thành viên	Hệ thống VNeID
114.	Quản lý cấu hình tích hợp VNeID	Quản trị hệ thống	

3.2. Mô hình phân rã chức năng



3.3. Bảng sắp xếp thứ tự ưu tiên các chức năng của phần mềm

STT	Mô tả yêu cầu	Phân loại
	QUẢN LÝ ĐỊNH DANH VÀ BẢO MẬT	
1	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin người dùng và lưu lại thông tin.	Dữ liệu đầu vào
2	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin người dùng.	Dữ liệu đầu vào
3	Quản trị người dùng trung ương có thể xem danh sách thông tin người dùng. Hệ thống hiển thị danh sách người dùng	Dữ liệu đầu ra
4	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép thao tác xóa và lưu lại.	Cơ sở dữ liệu
5	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin nhóm. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin và lưu lại.	Dữ liệu đầu vào
6	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin nhóm. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin và lưu lại.	Dữ liệu đầu vào
7	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin nhóm. Hệ thống hiển thị danh sách nhóm	Dữ liệu đầu ra
8	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin nhóm. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép xóa và lưu lại.	Cơ sở dữ liệu
9	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin vai trò. Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới vai trò và lưu lại.	Dữ liệu đầu vào
10	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin vai trò. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin và lưu lại.	Dữ liệu đầu vào
11	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin vai trò. Hệ thống hiển thị danh sách vai trò.	Dữ liệu đầu ra
12	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin vai trò. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép xóa và lưu lại	Cơ sở dữ liệu
13	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin liên kết kho lưu trữ người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới thông tin	Dữ liệu đầu vào
14	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin liên kết kho lưu trữ người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin.	Dữ liệu đầu vào
15	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin liên kết kho lưu trữ người dùng. Hệ thống trả lại danh sách thông tin.	Dữ liệu đầu ra

16	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin liên kết kho lưu trữ người dùng. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép xóa và lưu lại.	Cơ sở dữ liệu
17	Quản trị hệ thống có thể cấu hình liên kết kho lưu trữ người dùng thông qua bộ quản lý LDAP. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
18	Quản trị hệ thống có thể cấu hình liên kết kho lưu trữ người dùng thông qua bộ quản lý Windows Active Directory. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
19	Quản trị hệ thống có thể cấu hình liên kết kho lưu trữ người dùng thông qua bộ quản lý JDBC. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
20	Quản trị hệ thống có thể cấu hình cung cấp dịch vụ thường trú. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
21	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin nhà cung cấp dịch vụ định danh. Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới.	Dữ liệu đầu vào
22	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin nhà cung cấp dịch vụ định danh. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
23	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin nhà cung cấp dịch vụ định danh. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
24	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin nhà cung cấp dịch vụ định danh. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép xóa và lưu lại.	Cơ sở dữ liệu
25	Quản trị hệ thống có thể thiết lập cấu hình trình xác thực liên kết hỗ trợ xác thực đa nhân tố. Hệ thống cung cấp giao diện thực hiện cấu hình xác thực liên kết đa nhân tố.	Dữ liệu đầu vào
26	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin nhà cung cấp dịch vụ. Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới.	Dữ liệu đầu vào
27	Quản trị hệ thống có thể cập nhật thông tin nhà cung cấp dịch vụ. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
28	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin nhà cung cấp dịch vụ. Hệ thống hiển thị danh sách.	Dữ liệu đầu ra
29	Quản trị hệ thống có thể xóa thông tin nhà cung cấp dịch vụ. Hệ thống hiển thị giao diện có phép xóa và lưu lại.	Cơ sở dữ liệu
30	Quản trị hệ thống có thể đăng nhập một lần qua giao diện (Single Sign-On) và tiếp tục sử dụng với các hệ thống khác được phân quyền không cần phải đăng nhập lại. Hệ thống cung cấp giao diện đăng nhập.	Dữ liệu đầu vào

31	Quản trị hệ thống có thể cấu hình đăng nhập một lần thông qua SAML2, OpenID connect, Kerberos KDC và WS-Federation Passive. Hệ thống cung cấp giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
32	Quản trị hệ thống có thể ủy quyền xác thực một lần thông qua SAML2, OpenID connect, Kerberos KDC và WS-Federation Passive. Hệ thống cung cấp giao diện cho phép ủy quyền xác thực	Dữ liệu đầu vào
33	Quản trị hệ thống có thể cấu hình sử dụng các định danh và thuộc tính từ các nhà cung cấp dịch vụ định danh (Identity Providers - IDP). Hệ thống cung cấp giao diện thực hiện.	Dữ liệu đầu vào
34	Quản trị hệ thống có thể cấu hình dữ liệu Authorization Token tùy chỉnh toàn bộ hệ thống. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
35	Quản trị hệ thống có thể kích hoạt cấu hình dữ liệu Authorization Token tùy chỉnh theo hệ thống. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
36	Quản trị hệ thống có thể hủy kích hoạt cấu hình dữ liệu Authorization Token tùy chỉnh theo API. Hệ thống hiển thị cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
37	Quản trị hệ thống có thể cấu hình kích hoạt đăng ký API Keys. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
38	Quản trị hệ thống có thể cấu hình sử dụng chính sách xác thực API Keys. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
39	Quản trị hệ thống có thể cấu hình tạo API Keys. Hệ thống hiển thị cấu hình	Dữ liệu đầu ra
40	Quản trị hệ thống có thể cấu hình kích hoạt bảo mật Mutual SSL. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
41	Quản trị hệ thống có thể cấu hình thêm mới chứng thực Certificate. Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới.	Dữ liệu đầu ra
42	Quản trị hệ thống có thể cấu hình bảo mật API với Basic Authentication. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
43	Quản trị hệ thống có thể cấu hình kích hoạt bảo mật API với Basic Authentication. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
44	Quản trị hệ thống có thể cấu hình hủy kích hoạt bảo mật API với Basic Authentication. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra

45	Quản trị hệ thống có thể cấu hình chức thực khách cho API (Client Certificate). Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình	Dữ liệu đầu ra
46	Quản trị hệ thống có thể cấu hình kích hoạt bảo mật API với Certificate Bound Access Token). Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình.	Dữ liệu đầu ra
47	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các sự kiện đăng nhập. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
48	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách phiên đăng nhập. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
49	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký người dùng đăng nhập. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
50	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký phiên làm việc. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
51	Quản trị hệ thống có thể ngắt phiên làm việc của người dùng qua trang quản trị. Hệ thống hiển thị giao diện thao tác ngắt phiên làm việc.	Dữ liệu đầu ra
52	Quản trị hệ thống có thể khôi phục mật khẩu từ nhà quản trị. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép khôi phục mật khẩu.	Dữ liệu đầu ra
53	Quản trị hệ thống có thể cảnh báo bảo mật theo thời gian thực với các trường hợp nghi ngờ về hành vi login,...Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
54	Quản trị hệ thống có thể kiểm soát các hoạt động được cấp phép sử dụng distributed auditing system (XDAS). Hệ thống hiển thị giao diện quản trị	Dữ liệu đầu ra
55	Quản trị hệ thống có thể theo dõi hiệu năng và lịch sử truy cập hệ thống. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê.	Dữ liệu đầu ra
	NỀN TẢNG TÍCH HỢP VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU	
56	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
57	Quản trị hệ thống có thể thêm mới API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
58	Quản trị hệ thống có thể sửa thông tin API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
59	Quản trị hệ thống có thể xóa đơn lẻ thông tin API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Cơ sở dữ liệu
60	Quản trị hệ thống có thể đánh dấu xóa nhiều API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
61	Quản trị hệ thống có thể khóa/tắt khả dụng cho sử dụng API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào

62	Quản trị hệ thống có thể mở khóa khả dụng cho API dịch vụ. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
63	Quản trị hệ thống có thể cấu hình API trước khi thực hiện thực thi qua giao diện web. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
64	Quản trị hệ thống có thể cấu hình API trước khi thực hiện thực thi qua import. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
65	Quản trị hệ thống có thể cấu hình API mẫu. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
66	Quản trị hệ thống có thể công khai API dịch vụ kiểu SOAP. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
67	Quản trị hệ thống có thể công khai API dịch vụ kiểu RESTFUL. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
68	Quản trị hệ thống có thể công khai API dịch vụ kiểu JSON. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
69	Quản trị hệ thống có thể công khai API dịch vụ kiểu XML. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
70	Quản trị hệ thống có thể quản lý vòng đời API từ lúc tạo ra đến khi kết thúc sử dụng. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
71	Quản trị hệ thống có thể quản lý phiên bản API. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
72	Quản trị hệ thống có thể công khai API cho môi trường chính thức. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
73	Quản trị hệ thống có thể công khai API cho môi trường phát triển/thử nghiệm. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
74	Quản trị hệ thống có thể giới hạn truy cập API Access Token theo Domains/IP. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
75	Quản trị hệ thống có thể cấu hình áp dụng chính sách bảo mật với API. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
76	Quản trị hệ thống có thể tích hợp chuẩn xác thực API chuẩn OAuth2. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
77	Quản trị hệ thống có thể khóa API không cho hệ thống khác truy cập trên môi trường chính thức. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
78	Quản trị hệ thống có thể theo dõi lưu lượng và cấu hình chuyển hướng API theo các API gateway. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
79	Quản trị hệ thống có thể chuyển đổi giao thức đầu vào - đầu ra và chuyển đổi giữa liệu qua API. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
80	Quản trị hệ thống có thể ánh xạ giao thức HTTPS với các giao thức khác. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào

81	Quản trị hệ thống có thể định tuyến bản tin theo cơ chế Pass-Through để tăng hiệu năng và độ trễ tối thiểu. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
82	Quản trị hệ thống có thể xem hiệu năng API qua giao diện web. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin	Dữ liệu đầu ra
83	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách log API. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin	Dữ liệu đầu ra
84	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin log API. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin	Dữ liệu đầu ra
85	Quản trị hệ thống có thể theo dõi chất lượng dịch vụ API. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin	Dữ liệu đầu ra
86	Quản trị hệ thống có thể quản lý kiểm thử REST API tích hợp. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
87	Quản trị hệ thống thực hiện quản lý kiểm thử REST API tích hợp. Hệ thống thực hiện theo yêu cầu.	Dữ liệu đầu vào
88	Quản trị hệ thống có thể quản lý kiểm thử GraphQL API tích hợp. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
89	Quản trị hệ thống thực hiện quản lý kiểm thử GraphQL API tích hợp. Hệ thống thực hiện theo yêu cầu.	Dữ liệu đầu vào
90	Quản trị hệ thống có thể quản lý kiểm thử với SOAP Client. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
91	Quản trị hệ thống thực hiện quản lý kiểm thử SOAP Client tích hợp. Hệ thống thực hiện theo yêu cầu.	Dữ liệu đầu vào
92	Quản trị hệ thống có thể quản lý chính sách giới hạn tốc độ truy cập theo thời gian. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
93	Quản trị hệ thống cập nhật chính sách giới hạn tốc độ truy cập theo thời gian. Hệ thống lưu thông tin cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
94	Quản trị hệ thống có thể quản lý chính sách giới hạn truy cập theo IP nguồn. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
95	Quản trị hệ thống cập nhật chính sách giới hạn truy cập theo IP nguồn. Hệ thống lưu thông tin cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
96	Quản trị hệ thống có thể quản lý chính sách giới hạn số lượng gửi tới API Backend. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
97	Quản trị hệ thống cập nhật chính sách giới hạn số lượng gửi tới API Backend. Hệ thống lưu thông tin cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
98	Quản trị hệ thống có thể quản lý chính sách giới hạn tổng số lượng gửi API theo ngày. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
99	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách API. Hệ thống hiển thị danh sách API	Dữ liệu đầu ra
100	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin chi tiết API. Hệ thống hiển thị thông tin API	Dữ liệu đầu ra

101	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái API của ứng dụng Tủ sách pháp luật điện tử. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
102	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API của ứng dụng Tủ sách pháp luật điện tử. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
103	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái API của ứng dụng Đối thoại trực tuyến. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
104	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API của ứng dụng Đối thoại trực tuyến. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
105	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái các API của ứng dụng bồi dưỡng tập huấn. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
106	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API của ứng dụng bồi dưỡng tập huấn. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
107	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái các API ứng dụng Thi tìm hiểu pháp luật. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
108	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API ứng dụng Thi tìm hiểu pháp luật. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
109	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái các API ứng dụng Cổng thông tin điện tử GDPL quốc gia. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
110	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API ứng dụng Cổng thông tin điện tử GDPL quốc gia. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
111	Quản trị hệ thống có thể kiểm tra trạng thái các API hệ thống CSDL quốc gia văn bản qui phạm pháp luật. Hệ thống trả lại kết quả	Dữ liệu đầu ra
112	Quản trị hệ thống có thể tích hợp các API hệ thống CSDL quốc gia văn bản qui phạm pháp luật. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
113	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API gửi mail thông báo. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
114	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp số mail thông báo đã gửi theo thời gian. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
115	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp số lượng mail thông báo đã gửi theo ứng dụng. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
116	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp tình trạng gửi mail theo ứng dụng. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
117	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API gửi thông báo thời gian thực Cloud Message. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra

118	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp số lượng thông báo thời gian thực Cloud Message theo thời gian. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
119	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp số lượng thông báo thời gian thực Cloud Message đã gửi theo ứng dụng. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
120	Quản trị hệ thống có thể tích hợp API tổng hợp tình trạng gửi thông báo thời gian thực Cloud Message theo ứng dụng. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
	BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁM SÁT	
121	Quản trị hệ thống có thể thống kê danh sách tài khoản. Hệ thống hiển thị danh sách	Dữ liệu đầu ra
122	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang sách tài khoản. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
123	Quản trị hệ thống có thể tra cứu giao dịch đăng nhập, đăng xuất theo tài khoản. Hệ thống thực hiện tra cứu	Yêu cầu truy vấn
124	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang giao dịch đăng nhập, đăng xuất theo tài khoản. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
125	Quản trị hệ thống có thể thống kê các tài khoản hoạt động tích cực. Hệ thống thực hiện thống kê	Dữ liệu đầu ra
126	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang các tài khoản hoạt động tích cực. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
127	Quản trị hệ thống có thể thống kê giao dịch gọi API theo ứng dụng. Hệ thống thực hiện thống kê	Dữ liệu đầu ra
128	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang giao dịch gọi API theo ứng dụng. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
129	Quản trị hệ thống có thể thống kê giao dịch gọi theo các API. Hệ thống thực hiện thống kê	Dữ liệu đầu ra
130	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang giao dịch gọi theo các API. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
131	Quản trị hệ thống có thể thống kê số lượng gửi API theo ngày. Hệ thống thực hiện thống kê	Dữ liệu đầu ra
132	Quản trị hệ thống có thể thiết lập phân trang số lượng gửi API theo ngày. Hệ thống hiển thị thông tin	Dữ liệu đầu ra
	AN TOÀN THÔNG TIN	
133	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách và thông báo cho người dùng.	Dữ liệu đầu vào
134	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm	Dữ liệu đầu vào

	không nhận được yêu cầu từ người dùng. Hệ thống lưu thông tin thiết lập chính sách và thông báo cho người dùng.	
135	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập chính sách yêu cầu đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
136	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
137	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
138	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
139	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập chính sách khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
140	Quản trị hệ thống thực hiện thiết lập chính sách mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ. Hệ thống thực hiện lưu thông tin thiết lập chính sách mật khẩu và thông báo cho người dùng	Dữ liệu đầu vào
141	Quản trị hệ thống có thể Quản lý chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống. Hệ thống hiển thị kết quả	Dữ liệu đầu vào
142	Quản trị hệ thống thực hiện tìm kiếm chính sách. Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm theo các tiêu chí người dùng đã có thể.	Yêu cầu truy vấn
143	Quản trị hệ thống thực hiện thêm mới chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ thì thực hiện tác động, nếu không hợp lệ thì thông báo lỗi cho người dùng.	Dữ liệu đầu vào
144	Quản trị hệ thống thực hiện chỉnh sửa chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ thì thực hiện tác động, nếu không hợp lệ thì thông báo lỗi cho người dùng.	Dữ liệu đầu vào
145	Quản trị hệ thống thực hiện xóa chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu	Dữ liệu đầu vào

	hợp lệ thì thực hiện tác động, nếu không hợp lệ thì thông báo lỗi cho người dùng.	
146	Quản trị hệ thống có thể chính sách cần khóa và nhấn Khóa chính sách. Hệ thống thực hiện khóa chính sách đã có thể.	Dữ liệu đầu vào
147	Quản trị hệ thống có thể chính sách cần mở khóa và nhấn Mở khóa chính sách. Hệ thống thực hiện mở khóa chính sách đã có thể.	Dữ liệu đầu vào
148	Quản trị hệ thống có thể xuất danh sách chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống. Hệ thống thực hiện truy vấn dữ liệu và xuất dữ liệu ra file excel về máy người dùng	Dữ liệu đầu ra
149	Quản trị hệ thống có thể cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký. Hệ thống lưu thông tin cấu hình.	Dữ liệu đầu vào
150	Quản trị hệ thống có thể xem giao diện quản lý nhật ký sử dụng hệ thống, hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhật ký sử dụng hệ thống (Thông tin bao gồm Thời điểm sinh nhật ký; Phân nhóm nhật ký; Mô tả thao tác/lỗi; Đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; Mức độ quan trọng và được phân thành 05 nhóm: Nhật ký truy cập Phần mềm; Nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần mềm; Nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động; Nhật ký quản lý tài khoản; Nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm)	Dữ liệu đầu ra
151	Quản trị hệ thống tìm kiếm nhật ký sử dụng hệ thống theo khoảng thời gian, hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm	Yêu cầu truy vấn
152	Quản trị hệ thống tìm kiếm nhật ký sử dụng hệ thống theo người dùng, hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm	Yêu cầu truy vấn
153	Quản trị hệ thống có thể xuất nhật ký sử dụng hệ thống ra file excel, hệ thống hiển thị xuất file excel	Dữ liệu đầu ra
154	Quản trị hệ thống chọn cấu hình phân quyền cho nhóm người dùng. Hệ thống lưu phân quyền cho nhóm người dùng. Nhóm người dùng tối thiểu gồm Tài khoản người sử dụng thông thường; Tài khoản quản trị mức sử dụng; Tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành.	Dữ liệu đầu vào
155	Quản trị hệ thống xóa cấu hình phân quyền cho nhóm người dùng. Hệ thống xóa phân quyền cho nhóm người dùng	Cơ sở dữ liệu
156	Quản trị hệ thống thêm mới lịch sao lưu dự phòng tự động, chính sách sao lưu. Hệ thống lưu thông tin lịch sao lưu	Dữ liệu đầu vào

157	Quản trị hệ thống sửa lịch sao lưu dự phòng tự động. Hệ thống lưu thông tin sau khi sửa	Dữ liệu đầu vào
158	Quản trị hệ thống xóa lịch sao lưu dự phòng tự động. Hệ thống xóa thông tin lịch	Cơ sở dữ liệu
159	Quản trị hệ thống kích hoạt sao lưu dự phòng tự động. Hệ thống tự động sao lưu dự phòng theo cấu hình sao lưu tự động đã được thiết lập và ghi log	Dữ liệu đầu vào
160	Quản trị hệ thống thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.	Dữ liệu đầu vào
161	Quản trị hệ thống kích hoạt chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai, hệ thống sẽ cảnh báo người dùng khi sai chính sách	Dữ liệu đầu vào
162	Quản trị hệ thống kích hoạt chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai, hệ thống tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.	Dữ liệu đầu vào
163	Quản trị hệ thống kích hoạt chính sách vô hiệu hóa tài khoản, hệ thống tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên.	Dữ liệu đầu vào
QUẢN LÝ DANH MỤC DỪNG CHUNG		
164	Quản trị hệ thống xem danh sách dân tộc. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
165	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một dân tộc. Hệ thống lưu thông tin dân tộc, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
166	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một dân tộc. Hệ thống cập nhật thông tin dân tộc, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
167	Quản trị hệ thống xóa thông tin một dân tộc. Hệ thống thực hiện xóa thông tin dân tộc sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
168	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin dân tộc. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
169	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin một dân tộc. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
170	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một dân tộc. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
171	Quản trị hệ thống xem danh sách giới tính. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra

172	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một giới tính. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
173	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một giới tính. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
174	Quản trị hệ thống xóa thông tin một giới tính. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
175	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin giới tính. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
176	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin một giới tính. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
177	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một giới tính. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
178	Quản trị hệ thống xem danh sách loại đối tượng được TGPL. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
179	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một loại đối tượng được TGPL. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
180	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một loại đối tượng được TGPL. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
181	Quản trị hệ thống xóa thông tin một loại đối tượng được TGPL. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
182	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin loại đối tượng được TGPL. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
183	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin một loại đối tượng được TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
184	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một loại đối tượng được TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
185	Quản trị hệ thống xem danh sách tôn giáo. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
186	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một tôn giáo. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào

187	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một tôn giáo. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
188	Quản trị hệ thống xóa thông tin một tôn giáo. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
189	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin tôn giáo. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
190	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin tôn giáo. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
191	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một tôn giáo. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
192	Quản trị hệ thống xem danh sách quốc gia. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
193	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một quốc gia. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
194	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một quốc gia. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
195	Quản trị hệ thống xóa thông tin một quốc gia. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
196	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin quốc gia. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
197	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin quốc gia. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
198	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một quốc gia. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
199	Quản trị hệ thống xem danh sách đơn vị hành chính. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
200	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một đơn vị hành chính. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
201	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một đơn vị hành chính. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào

202	Quản trị hệ thống xóa thông tin một đơn vị hành chính. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
203	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin đơn vị hành chính. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
204	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin đơn vị hành chính. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
205	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một đơn vị hành chính. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
206	Quản trị hệ thống xem danh sách lĩnh vực. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
207	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một lĩnh vực. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
208	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một lĩnh vực. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
209	Quản trị hệ thống xóa thông tin một lĩnh vực. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
210	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin lĩnh vực. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
211	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin lĩnh vực. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
212	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một lĩnh vực. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
213	Quản trị hệ thống xem danh sách lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
214	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
215	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
216	Quản trị hệ thống xóa thông tin một lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu

217	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
218	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
219	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một lĩnh vực chuyên sâu. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
220	Quản trị hệ thống xem danh sách hình thức TGPL. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
221	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một hình thức TGPL. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
222	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một hình thức TGPL. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
223	Quản trị hệ thống xóa thông tin một hình thức TGPL. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
224	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin hình thức TGPL. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
225	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin hình thức TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
226	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một hình thức TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
227	Quản trị hệ thống xem danh sách Sở Tư pháp. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
228	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một Sở Tư pháp. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
229	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một Sở Tư pháp. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
230	Quản trị hệ thống xóa thông tin một Sở Tư pháp. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
231	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin Sở Tư pháp. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn

232	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin Sở Tư pháp. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
233	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một Sở Tư pháp. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
234	Quản trị hệ thống xem danh sách Trung tâm TGPL. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
235	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một Trung tâm TGPL. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
236	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một Trung tâm TGPL. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
237	Quản trị hệ thống xóa thông tin một Trung tâm TGPL. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
238	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin Trung tâm TGPL. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
239	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin Trung tâm TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
240	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một Trung tâm TGPL. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
241	Quản trị hệ thống xem danh sách chi nhánh. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
242	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một chi nhánh. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
243	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một chi nhánh. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
244	Quản trị hệ thống xóa thông tin một chi nhánh. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
245	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin chi nhánh. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
246	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin chi nhánh. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào

247	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một chi nhánh. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
248	Quản trị hệ thống xem danh sách trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả dạng danh sách có phân trang	Dữ liệu đầu ra
249	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin một trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống lưu thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
250	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống cập nhật thông tin, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra	Dữ liệu đầu vào
251	Quản trị hệ thống xóa thông tin một trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống thực hiện xóa thông tin sau khi người dùng xác nhận đồng ý xóa.	Cơ sở dữ liệu
252	Quản trị hệ thống tìm kiếm thông tin trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống thực hiện truy vấn và hiển thị kết quả	Yêu cầu truy vấn
253	Quản trị hệ thống kích hoạt hoạt động thông tin trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái kích hoạt hoạt động	Dữ liệu đầu vào
254	Quản trị hệ thống dừng hoạt động thông tin một trạng thái hoạt động của tổ chức. Hệ thống thực hiện cập nhật trạng thái dừng hoạt động	Dữ liệu đầu vào
QUẢN LÝ DANH MỤC THI TRỰC TUYẾN		
255	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách phạm vi. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin phạm vi	Dữ liệu đầu ra
256	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới phạm vi. Hệ thống lưu thông tin phạm vi mới sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới phạm vi	Dữ liệu đầu vào
257	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật phạm vi. Hệ thống lưu thông tin phạm vi sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật phạm vi	Dữ liệu đầu vào
258	Quản trị hệ thống có thể Xóa phạm vi. Hệ thống lưu xóa thông tin phạm vi trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa phạm vi	Cơ sở dữ liệu
259	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm phạm vi. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm phạm vi	Yêu cầu truy vấn
260	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách phạm vi. Hệ thống tải file danh sách phạm vi dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra

261	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách đối tượng dự thi. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách đối tượng dự thi	Dữ liệu đầu ra
262	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới đối tượng dự thi. Hệ thống lưu thông tin đối tượng dự thi sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
263	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật đối tượng dự thi. Hệ thống lưu thông tin đối tượng dự thi sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
264	Quản trị hệ thống có thể xóa đối tượng dự thi. Hệ thống xóa hiển thị đối tượng dự thi trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
265	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm đối tượng dự thi. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm đối tượng dự thi	Yêu cầu truy vấn
266	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách đối tượng dự thi. Hệ thống tải file danh sách đối tượng dự thi dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
267	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách chủ đề dự thi. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách chủ đề dự thi	Dữ liệu đầu ra
268	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới chủ đề dự thi. Hệ thống lưu thông tin chủ đề dự thi sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
269	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật chủ đề dự thi. Hệ thống lưu thông tin chủ đề dự thi sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
270	Quản trị hệ thống có thể xóa chủ đề dự thi. Hệ thống xóa hiển thị chủ đề dự thi trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
271	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm chủ đề dự thi. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm chủ đề dự thi	Yêu cầu truy vấn
272	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách chủ đề dự thi. Hệ thống tải file danh sách chủ đề dự thi dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
273	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách loại câu hỏi. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách loại câu hỏi	Dữ liệu đầu ra
274	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới loại câu hỏi. Hệ thống lưu thông tin loại câu hỏi sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
275	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật loại câu hỏi. Hệ thống lưu thông tin loại câu hỏi sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào

276	Quản trị hệ thống có thể xóa loại câu hỏi. Hệ thống xóa hiển thị loại câu hỏi trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
277	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm loại câu hỏi. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm loại câu hỏi	Yêu cầu truy vấn
278	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách loại câu hỏi. Hệ thống tải file danh sách loại câu hỏi dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
279	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách mức độ câu hỏi. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách mức độ câu hỏi	Dữ liệu đầu ra
280	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới mức độ câu hỏi. Hệ thống lưu thông tin mức độ câu hỏi sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
281	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật mức độ câu hỏi. Hệ thống lưu thông tin mức độ câu hỏi sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
282	Quản trị hệ thống có thể xóa mức độ câu hỏi. Hệ thống xóa hiển thị mức độ câu hỏi trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
283	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm mức độ câu hỏi. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm mức độ câu hỏi	Yêu cầu truy vấn
284	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách mức độ câu hỏi. Hệ thống tải file danh sách mức độ câu hỏi dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
285	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách xếp loại. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách xếp loại	Dữ liệu đầu ra
286	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới xếp loại. Hệ thống lưu thông tin xếp loại sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
287	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật xếp loại. Hệ thống lưu thông tin xếp loại sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
288	Quản trị hệ thống có thể xóa xếp loại. Hệ thống xóa hiển thị xếp loại trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
289	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm xếp loại. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm xếp loại	Yêu cầu truy vấn
290	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách xếp loại. Hệ thống tải file danh sách xếp loại dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
291	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách loại kế hoạch. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách loại kế hoạch	Dữ liệu đầu ra

292	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới loại kế hoạch. Hệ thống lưu thông tin loại kế hoạch sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
293	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật loại kế hoạch. Hệ thống lưu thông tin loại kế hoạch sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
294	Quản trị hệ thống có thể xóa loại kế hoạch. Hệ thống xóa hiển thị loại kế hoạch trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
295	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm loại kế hoạch. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm loại kế hoạch	Yêu cầu truy vấn
296	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách loại kế hoạch. Hệ thống tải file danh sách loại kế hoạch dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
297	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách loại tài liệu. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách loại tài liệu	Dữ liệu đầu ra
298	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới loại tài liệu. Hệ thống lưu thông tin loại tài liệu sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
299	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật loại tài liệu. Hệ thống lưu thông tin loại tài liệu sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
300	Quản trị hệ thống có thể xóa loại tài liệu. Hệ thống xóa hiển thị loại tài liệu trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
301	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm loại tài liệu. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm loại tài liệu	Yêu cầu truy vấn
302	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách loại tài liệu. Hệ thống tải file danh sách loại tài liệu dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
303	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách lĩnh vực tài liệu. Hệ thống hiển thị thông tin danh sách lĩnh vực tài liệu	Dữ liệu đầu ra
304	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới lĩnh vực tài liệu. Hệ thống lưu thông tin lĩnh vực tài liệu sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
305	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật lĩnh vực tài liệu. Hệ thống lưu thông tin lĩnh vực tài liệu sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
306	Quản trị hệ thống có thể xóa lĩnh vực tài liệu. Hệ thống xóa hiển thị lĩnh vực tài liệu trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu

307	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm lĩnh vực tài liệu. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm lĩnh vực tài liệu	Yêu cầu truy vấn
308	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách lĩnh vực tài liệu. Hệ thống tải file danh sách lĩnh vực tài liệu dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
	QUẢN LÝ DANH MỤC ĐỐI THOẠI TRỰC TUYẾN	
309	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách phạm vi. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
310	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới phạm vi. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
311	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật phạm vi. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
312	Quản trị hệ thống có thể Xóa phạm vi. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
313	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm phạm vi. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
314	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách phạm vi. Hệ thống thực hiện tải file xuống thư mục máy	Dữ liệu đầu ra
315	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
316	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
317	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
318	Quản trị hệ thống có thể Xóa chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
319	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
320	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách chủ đề pháp luật. Hệ thống thực hiện tải file xuống thư mục máy	Dữ liệu đầu ra
321	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách tài liệu. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
322	Quản trị hệ thống có thể Tra cứu thông tin tài liệu. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
323	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới tài liệu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào

324	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật thông tin tài liệu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
325	Quản trị hệ thống có thể Xem thông tin tài liệu. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
326	Quản trị hệ thống có thể Xóa thông tin tài liệu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
327	Quản trị hệ thống có thể Gửi kiểm duyệt tài liệu. Hệ thống thực hiện lưu thông tin và gửi thông báo cho người Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
328	Quản trị hệ thống có thể Tải xuống tài liệu. Hệ thống thực hiện tải file xuống thư mục máy	Dữ liệu đầu ra
329	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
330	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
331	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
332	Quản trị hệ thống có thể Xóa câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
333	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
334	Quản trị hệ thống có thể Xuất excel danh sách câu hỏi và đáp án. Hệ thống thực hiện tải file xuống thư mục máy	Dữ liệu đầu ra
335	Quản trị hệ thống có thể Gửi kiểm duyệt. Hệ thống thực hiện lưu thông tin và gửi thông báo cho người Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
336	Quản trị hệ thống Đặt log cảnh báo. Hệ thống thực hiện lưu thông tin và gửi thông báo cảnh báo hệ thống khi hệ thống gặp sự cố (quá tải, bị ngắt đột ngột...) cho người quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
337	Quản trị hệ thống có thể xem cảnh báo để xử lý kịp thời các sự cố. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
	QUẢN LÝ DANH MỤC (PHẦN MỀM NGHIỆP VỤ)	
338	Quản trị hệ thống có thể thêm mới loại kinh phí. Hệ thống thực hiện thêm mới và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
339	Quản trị hệ thống có thể sửa loại kinh phí. Hệ thống thực hiện sửa và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào

340	Quản trị hệ thống có thể xóa loại kinh phí. Hệ thống thực hiện xóa và phản hồi kết quả	Cơ sở dữ liệu
341	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách loại kinh phí. Hệ thống hiển thị nội dung.	Dữ liệu đầu ra
342	Quản trị hệ thống có thể thêm mới loại đề án. Hệ thống thực hiện thêm mới và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
343	Quản trị hệ thống có thể sửa loại đề án. Hệ thống thực hiện sửa và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
344	Quản trị hệ thống có thể xóa loại đề án. Hệ thống thực hiện xóa và phản hồi kết quả	Cơ sở dữ liệu
345	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách loại đề án. Hệ thống hiển thị nội dung.	Dữ liệu đầu ra
346	Quản trị hệ thống có thể thêm mới loại lĩnh vực hòa giải. Hệ thống thực hiện thêm mới và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
347	Quản trị hệ thống có thể sửa loại lĩnh vực hòa giải. Hệ thống thực hiện sửa và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
348	Quản trị hệ thống có thể xóa loại lĩnh vực hòa giải. Hệ thống thực hiện xóa và phản hồi kết quả	Cơ sở dữ liệu
349	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách loại lĩnh vực hòa giải. Hệ thống hiển thị nội dung.	Dữ liệu đầu ra
350	Quản trị hệ thống có thể thêm mới loại trình độ chuyên môn. Hệ thống thực hiện thêm mới và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
351	Quản trị hệ thống có thể sửa loại trình độ chuyên môn. Hệ thống thực hiện sửa và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
352	Quản trị hệ thống có thể xóa loại trình độ chuyên môn. Hệ thống thực hiện xóa và phản hồi kết quả	Cơ sở dữ liệu
353	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách loại trình độ chuyên môn. Hệ thống hiển thị nội dung.	Dữ liệu đầu ra
354	Quản trị hệ thống có thể thêm mới loại chức danh. Hệ thống thực hiện thêm mới và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
355	Quản trị hệ thống có thể sửa loại chức danh. Hệ thống thực hiện sửa và phản hồi kết quả	Dữ liệu đầu vào
356	Quản trị hệ thống có thể xóa loại chức danh. Hệ thống thực hiện xóa và phản hồi kết quả	Cơ sở dữ liệu
357	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách loại chức danh. Hệ thống hiển thị nội dung.	Dữ liệu đầu ra
	QUẢN TRỊ THI TRỰC TUYẾN	
358	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thông tin đơn vị. Hệ thống thực hiện lưu thông tin đơn vị được thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả	Dữ liệu đầu vào

359	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật thông tin đơn vị. Hệ thống thực hiện lưu thông tin đơn vị sau khi được cập nhật	Dữ liệu đầu vào
360	Quản trị hệ thống có thể Xóa thông tin đơn vị. Hệ thống ẩn thông tin đơn vị bị xóa trên giao diện, có cảnh báo ràng buộc nếu có	Cơ sở dữ liệu
361	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm thông tin đơn vị. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin đơn vị	Yêu cầu truy vấn
362	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách thông tin đơn vị. Hệ thống hiển thị danh sách đơn vị	Dữ liệu đầu ra
363	Quản trị hệ thống xuất excel danh sách đơn vị. Hệ thống tải file danh sách đơn vị dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
364	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm nhật ký người dùng. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm nhật ký thao tác người dùng	Yêu cầu truy vấn
365	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách thông tin nhật ký người dùng. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin nhật ký người dùng	Dữ liệu đầu ra
366	Quản trị hệ thống có thể Xóa nhật ký người dùng. Hệ thống hiển thị kết quả xóa dữ liệu nhật ký người dùng	Cơ sở dữ liệu
367	Quản trị hệ thống có thể Xuất danh sách excel. Hệ thống tải file nhật ký người dùng dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
368	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật tham số cấu hình. Hệ thống hiển thị kết quả cập nhật tham số cấu hình	Dữ liệu đầu vào
369	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách tham số cấu hình. Hệ thống hiển thị danh sách tham số cấu hình	Dữ liệu đầu ra
370	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm thông tin tham số. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin tham số cấu hình	Yêu cầu truy vấn
371	Quản trị hệ thống có thể Xuất Excel danh sách tham số. Hệ thống tải file danh sách tham số dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
372	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới cấu hình email. Hệ thống lưu thông tin cấu hình email mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới.	Dữ liệu đầu vào
373	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật cấu hình email. Hệ thống lưu thông tin cấu hình được cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
374	Quản trị hệ thống có thể Xóa cấu hình email. Hệ thống xóa hiển thị cấu hình email trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu

375	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm cấu hình email. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm cấu hình email	Yêu cầu truy vấn
376	Quản trị hệ thống có thể Xuất danh sách cấu hình email. Hệ thống tải file danh sách cấu hình email dạng excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
377	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách cấu hình email. Hệ thống hiển thị danh sách cấu hình email	Dữ liệu đầu ra
378	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới Template thông báo. Hệ thống lưu thông tin template thông báo mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
379	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật template thông báo. Hệ thống lưu thông tin template thông báo sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
380	Quản trị hệ thống có thể Xóa template thông báo. Hệ thống xóa thông tin template thông báo trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
381	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm template thông báo. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin template thông báo	Yêu cầu truy vấn
382	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách template thông báo. Hệ thống hiển thị danh sách template thông báo	Dữ liệu đầu ra
383	Quản trị hệ thống có thể Xuất danh sách excel template thông báo. Hệ thống tải file danh sách template thông báo dạng Excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra
384	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách Template biểu mẫu. Hệ thống hiển thị danh sách template biểu mẫu	Dữ liệu đầu ra
385	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới template biểu mẫu. Hệ thống lưu thông tin template được thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
386	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật template biểu mẫu. Hệ thống lưu thông tin template biểu mẫu sau khi được cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật	Dữ liệu đầu vào
387	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm template biểu mẫu. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin biểu mẫu template	Yêu cầu truy vấn
388	Quản trị hệ thống có thể Xóa template biểu mẫu. Hệ thống xóa hiển thị thông tin template biểu mẫu trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
389	Quản trị hệ thống có thể Tải xuống template biểu mẫu dạng file excel về máy tính	Dữ liệu đầu ra

390	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới thư mục. Hệ thống lưu thông tin thư mục mới sau khi thêm, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới	Dữ liệu đầu vào
391	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật thư mục. Hệ thống lưu thông tin thư mục sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật.	Dữ liệu đầu vào
392	Quản trị hệ thống có thể Xóa thư mục. Hệ thống xóa hiển thị thông tin thư mục trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa	Cơ sở dữ liệu
393	Quản trị hệ thống có thể Di chuyển thư mục. Hệ thống hiển thị thông tin thư mục tại vị trí sau khi được di chuyển, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả di chuyển	Dữ liệu đầu vào
394	Quản trị hệ thống có thể Copy thư mục. Hệ thống hiển thị thông tin và vị trí của thư mục mới copy, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả copy thư mục	Dữ liệu đầu vào
395	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm thư mục. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin thư mục	Yêu cầu truy vấn
396	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới Banner. Hệ thống lưu thông tin banner sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới banner	Dữ liệu đầu vào
397	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật Banner. Hệ thống lưu thông tin banner sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật banner	Dữ liệu đầu vào
398	Quản trị hệ thống có thể Xóa Banner. Hệ thống xóa hiển thị thông tin banner trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa banner	Cơ sở dữ liệu
399	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm Banner. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm banner	Yêu cầu truy vấn
400	Quản trị hệ thống có thể Tải xuống Banner. Hệ thống tải banner dạng file ảnh về máy tính	Dữ liệu đầu ra
401	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới Footer. Hệ thống lưu thông tin footer sau khi thêm mới, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả thêm mới footer	Dữ liệu đầu vào
402	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật Footer. Hệ thống lưu thông tin footer sau khi cập nhật, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả cập nhật footer	Dữ liệu đầu vào
403	Quản trị hệ thống có thể Xóa Footer. Hệ thống xóa thông tin footer trên giao diện, cảnh báo nếu có lỗi xảy ra và hiển thị kết quả xóa footer	Cơ sở dữ liệu
404	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm Footer. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm thông tin footer	Yêu cầu truy vấn

405	Quản trị hệ thống có thể Tải xuống Footer. Hệ thống tải footer dạng file ảnh về máy tính	Dữ liệu đầu ra
	QUẢN TRỊ ĐỐI THOẠI TRỰC TUYẾN	
406	Quản trị hệ thống có thể Xem số lượt theo dõi của kênh pháp luật (ví dụ kênh tin tức PL trung ương, kênh pháp luật địa phương,...). Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
407	Quản trị hệ thống có thể Xem tổng số livestream đã phát trên kênh. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
408	Quản trị hệ thống có thể Xem tổng số sao công dân đã tặng cho các kênh pháp luật khi kênh phát video live. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
409	Quản trị hệ thống có thể Xem tổng số view trên Livestream. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
410	Quản trị hệ thống có thể Xem tổng thời gian đã Livestream. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
411	Quản trị hệ thống có thể Xem thông tin về Livestream. Hệ thống thực hiện và hiển thị thông tin livestream mới nhất gồm: tổng số view , thời gian xem trung bình , số view cao nhất tại 1 thời điểm	Dữ liệu đầu ra
412	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách Livestream đang thịnh hành. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
413	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách phân quyền người dùng. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
414	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới quyền chức năng cho tài khoản người dùng. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
415	Quản trị hệ thống có thể Chỉnh sửa quyền chức năng cho tài khoản người dùng. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả chỉnh sửa thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
416	Quản trị hệ thống có thể Xóa phân quyền chức năng cho tài khoản người dùng. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
417	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm tài khoản người dùng. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
418	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách kênh. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra

419	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới kênh. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
420	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật kênh. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
421	Quản trị hệ thống có thể Xóa kênh. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
422	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm kênh. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
423	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách Live (đã Live xong, đang Live, chờ xuất bản Live). Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
424	Quản trị hệ thống có thể Tạo danh sách xem live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
425	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
426	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
427	Quản trị hệ thống có thể Xóa Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
428	Quản trị hệ thống có thể Xuất bản video live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xuất bản video live thành công/thất bại	Dữ liệu đầu ra
429	Quản trị hệ thống có thể xác nhận lưu video ở trạng thái Chờ xuất bản video live. Hệ thống thực hiện lưu thông tin video live và gửi thông báo cho Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
430	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm Live. Hệ thống thực hiện và hiển thị kết quả tìm kiếm	Yêu cầu truy vấn
431	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách lịch live. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
432	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới lịch Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
433	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật lịch Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
434	Quản trị hệ thống có thể Xóa lịch Live. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
435	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm lịch Live. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
436	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách video. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra

437	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới video. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
438	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật video. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
439	Quản trị hệ thống có thể Xóa video. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả Xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
440	Quản trị hệ thống có thể Xuất bản video. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả Xuất bản video thành công/thất bại	Dữ liệu đầu ra
441	Quản trị hệ thống có thể xác nhận lưu video ở trạng thái Chờ xuất bản video ondemand. Hệ thống thực hiện lưu thông tin video live và gửi thông báo cho Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
442	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm video. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
443	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách thẻ loại. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
444	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới thẻ loại. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
445	Quản trị hệ thống có thể Xóa thẻ loại. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
446	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật thẻ loại. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
447	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm thẻ loại. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
448	Quản trị hệ thống có thể có thể thẻ loại pháp luật để xóa cache. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
449	Quản trị hệ thống có thể có thể kênh pháp luật để xóa cache. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
450	Quản trị hệ thống có thể có thể tin tức pháp luật để xóa cache. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
451	Quản trị hệ thống có thể có thể video pháp luật để xóa cache. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
452	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách tin tức. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra

453	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới bài viết. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
454	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật bài viết tin tức. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
455	Quản trị hệ thống có thể Xóa bài viết. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
456	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm bài viết. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
457	Quản trị hệ thống có thể Xuất bản bài viết. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xuất bản bài viết thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
458	Quản trị hệ thống có thể xác nhận lưu bài viết ở trạng thái Chờ xuất bản bài viết. Hệ thống thực hiện lưu thông tin bài viết và gửi thông báo cho Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
459	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới thông báo. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
460	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật thông báo. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
461	Quản trị hệ thống có thể Xóa thông báo. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
462	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm thông báo. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
463	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách thông báo. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
464	Quản trị hệ thống có thể Xuất bản tin thông báo. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xuất bản thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
465	Quản trị hệ thống có thể xác nhận lưu bản tin thông báo ở trạng thái Chờ xuất bản tin thông báo. Hệ thống thực hiện và lưu thông tin và gửi thông báo cho Quản trị hệ thống	Dữ liệu đầu vào
466	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách Template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
467	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào

468	Quản trị hệ thống có thể Chỉnh sửa template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả chỉnh sửa thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
469	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
470	Quản trị hệ thống có thể Xóa template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
471	Quản trị hệ thống có thể Tải xuống template biểu mẫu. Hệ thống thực hiện tải file xuống thư mục máy	Dữ liệu đầu ra
472	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách chuyên gia. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
473	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới chuyên gia. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
474	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật chuyên gia. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả Cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
475	Quản trị hệ thống có thể Xóa chuyên gia. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả Xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
476	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm chuyên gia. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
477	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách link livestream. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
478	Quản trị hệ thống có thể Đồng bộ link livestream từ OBS (phần mềm livestream) sang hệ thống. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả đồng bộ thành công/thất bại	Dữ liệu đầu ra
479	Quản trị hệ thống có thể Chỉnh sửa livestream. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả chỉnh sửa thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
480	Quản trị hệ thống có thể Thêm mới livestream. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
481	Quản trị hệ thống có thể Xem danh sách địa chỉ hộp thư. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Dữ liệu đầu ra
482	Quản trị hệ thống có thể Thêm địa chỉ. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả thêm thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào
483	Quản trị hệ thống có thể Xóa địa chỉ. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả xóa thành công/thất bại	Cơ sở dữ liệu
484	Quản trị hệ thống có thể Cập nhật địa chỉ. Hệ thống thực hiện và phản hồi lại kết quả cập nhật thành công/thất bại	Dữ liệu đầu vào

485	Quản trị hệ thống có thể Tìm kiếm địa chỉ. Hệ thống thực hiện và trả lại kết quả tương ứng	Yêu cầu truy vấn
	QUẢN LÝ TRUY CẬP	
486	Thành viên có thể đăng nhập hệ thống; Hệ thống chuyển sang trang đăng nhập tập trung	Dữ liệu đầu ra
487	Thành viên có thể đăng nhập hệ thống (qua tên đăng nhập, mật khẩu đã đăng ký). Hệ thống thực hiện xác thực và báo kết quả đăng nhập.	Dữ liệu đầu ra
488	Thành viên có thể đăng xuất hệ thống. Hệ thống gửi thông báo xác nhận đăng xuất	Dữ liệu đầu ra
489	Thành viên xác nhận/hủy đăng xuất hệ thống. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu ra
490	Thành viên có thể lấy lại mật khẩu trong trường hợp Quên mật khẩu qua email đã đăng ký. Hệ thống kiểm tra và thực hiện gửi về email đăng ký	Dữ liệu đầu vào
491	Thành viên có thể lấy lại mật khẩu trong trường hợp Quên mật khẩu qua số điện thoại đã đăng ký. Hệ thống kiểm tra và thực hiện gửi về số điện thoại đăng ký	Dữ liệu đầu vào
492	Thành viên có thể đổi mật khẩu mới. Hệ thống kiểm tra và gửi thông báo xác nhận đổi mật khẩu	Dữ liệu đầu vào
493	Thành viên xác nhận đổi/ hủy đổi mật khẩu mới. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
494	Công dân có thể đăng ký tài khoản. Hệ thống hiển thị thông tin yêu cầu đăng ký	Dữ liệu đầu vào
495	Công dân điền thông tin đăng ký và gửi đăng ký. Hệ thống thực hiện đăng ký và trả về kết quả	Dữ liệu đầu vào
496	Thành viên có thể xem thông báo, hệ thống hiển thị danh sách các thông báo	Dữ liệu đầu ra
497	Thành viên xem tất cả các thông báo, hệ thống hiển thị giao diện có tất cả các thông báo	Dữ liệu đầu ra
498	Thành viên tìm kiếm thông báo, hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm	Yêu cầu truy vấn
499	Thành viên xóa thông báo, hệ thống hiển thị xóa thông báo thành công	Cơ sở dữ liệu
500	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin tài khoản, hệ thống chuyển sang trang hệ thống xác thực thông tin tài khoản	Dữ liệu đầu ra
501	Quản trị hệ thống xem thông tin tài khoản. Hệ thống hiển thị thông tin tài khoản	Dữ liệu đầu vào
502	Quản trị hệ thống cập nhật thông tin tài khoản. Hệ thống lưu lại thông tin mới cập nhật vào hệ thống xác thực	Dữ liệu đầu vào
	TÍCH HỢP VNEID	

503	Thành viên có thể đăng nhập với VNeID. Hệ thống redirect sang màn hình đăng nhập của VNeID	Dữ liệu đầu vào
504	Thành viên có thể đăng xuất với VNeID. Hệ thống gửi yêu cầu xác nhận Đồng ý hoặc Từ chối	Dữ liệu đầu vào
505	Thành viên có thể xác nhận Đồng ý/ Từ chối đăng xuất với VNeID. Hệ thống thực hiện	Dữ liệu đầu vào
506	Quản trị hệ thống có thể cấu hình tích hợp VNeID. Hệ thống hiển thị giao diện cấu hình tích hợp VNeID	Dữ liệu đầu vào
507	Quản trị hệ thống cập nhật thông tin cấu hình tích hợp VNeID. Hệ thống lưu thông tin cấu hình hệ thống.	Dữ liệu đầu vào